

Bản án số: 51/2018/HS-PT

Ngày 12 - 6 - 2018

N DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nhân

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Yên

Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Khiêm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:

Bà Lê Kiều Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 45/2018/TLPT-HS ngày 23 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo Phạm Văn H, Trần Văn P và Nguyễn Văn N do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2018/HS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. *Họ và tên:* Phạm Văn H, sinh năm 1973, tại huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp 6 Đình, xã NT, huyện AB, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn H và bà: Nguyễn Thị L; vợ: Trương Thị C; con: 01 người; tiền án, tiền sự: Không; khởi tố, cầm đi khỏi nơi cư trú ngày 07/11/2017; bị cáo tại ngoại có mặt.

2. *Họ và tên:* Trần Văn P, sinh năm 1981, tại huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp 11A, xã ĐHB, huyện AM, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Ngư phủ; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn H và bà: Nguyễn Thị H (đã chết); vợ: Bùi Thị T; con: 02 người; tiền án, tiền sự: Không; khởi tố, cầm đi khỏi nơi cư trú ngày 07/11/2017; bị cáo tại ngoại có mặt.

3. *Họ và tên:* Nguyễn Văn N, sinh năm 1974, tại tỉnh Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp 7, xã KT, huyện UM, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T (đã chết) và bà: Nguyễn Thị H (đã chết); vợ: Nguyễn Thị K; con: 03 người; tiền án, tiền sự: Không; khởi tố, cầm đi khỏi nơi cư trú ngày 07/11/2017; bị cáo tại ngoại có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 11/2016 Nguyễn Văn N nhờ Trần Văn P làm Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 không phải đi thi sát hạch. Qua quen biết, P liên hệ với Phạm Văn H được H đồng ý. H liên hệ với tên M ở Bình Dương (không rõ họ và địa chỉ), M yêu cầu nộp 03 tấm ảnh 3x4, Giấy chứng minh N dân (bản phô tô) để làm; mỗi Giấy phép lái xe giá 1.300.000đ. P nói lại với N về thủ tục làm giấy phép lái xe như trên được N đồng ý. N đưa các giấy tờ theo yêu cầu và tiền cho P, P giao lại H, H chuyển hồ sơ và tiền cho M. Khoảng 15 ngày sau, M chuyển cho H nhận một túi đựng hồ sơ, bên trong có 01 giấy phép lái xe mô tô hạng A1 tên Nguyễn Văn N, đơn xin học thi lấy bằng lái xe, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, giấy chứng nhận sức khỏe. H giao bộ hồ sơ cho N.

Thấy việc làm giấy phép lái xe nhanh gọn, không cần phải đi thi sát hạch mà vẫn có giấy phép lái xe nên H nảy sinh ý định nhận hồ sơ làm giấy phép lái xe mô tô hạng A1 với mức giá cao để hưởng chênh lệch. H nói với P, P nói lại với N nếu ai có nhu cầu làm giấy phép lái xe với thủ tục như trên thì liên hệ với các bị cáo để nhận làm.

Từ tháng 11/2006 đến tháng 3/2017 N trực tiếp nhận 21 hồ sơ của các đối tượng gồm: Trần Thị M, Phan Văn X, Nguyễn Trọng K, Nguyễn Hoàng L, Lê Thị Bích T, Nguyễn Hoài N, Lê Văn H, Đặng Quốc B, cùng trú ấp 7, xã Khánh Tiến huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; Nguyễn Hoàng B trú ấp 3, xã Khánh Tiến huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; Lê Văn N trú ấp 4, xã Khánh Tiến huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; Nguyễn Văn L trú ấp 8, xã Khánh Tiến huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; Nguyễn Công B trú ấp 9, xã Khánh Tiến huyện U Minh, tỉnh Cà Mau; Phạm Hồng Đ, Phạm Văn Đ, Nguyễn Hữu N, cùng trú ấp 11, xã KT, huyện UM, tỉnh Cà Mau; Lê Văn H, Phạm Văn C trú ấp 5, xã Khánh Hòa, huyện U Minh tỉnh Cà Mau; Trần Chí L trú xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu; Nguyễn Chí T trú huyện Giá Rai cùng tỉnh Bạc Liêu; và 02 người không nhớ tên địa chỉ cụ thể. Trong 21 hồ sơ N nhận có 04 hồ sơ giá 1.500.000đ/hồ sơ, 06 hồ sơ giá 1.700.000đ/hồ sơ, 09 hồ sơ giá 1.800.000đ/hồ sơ, 01 hồ sơ giá 2.000.000đ còn 01 hồ sơ không nhớ giá; tổng 21 hồ sơ N nhận số tiền là 35.900.000đ, đã giao cho P 31.500.000đ còn N hưởng lợi 4.400.000đ.

Ngoài nhận của N 21 hồ sơ, P còn trực tiếp nhận 09 hồ sơ gồm: Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T, Mạc Thị C, Mạc Thị Ch, Nguyễn Thanh P, Nguyễn Văn M, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị T, cùng trú ấp 7, xã KT, huyện UM, tỉnh Cà Mau; Lê Văn D trú ấp 10, xã KT, huyện UM, tỉnh Cà Mau. Trong 30 hồ sơ P nhận có 29 hồ sơ giá mỗi hồ sơ 1.500.000đ và 01 hồ sơ giá 1.700.000đ. Tổng 30 hồ sơ P nhận với số tiền là 44.800.000đ, đã giao cho H 39.000.000đ còn lại P hưởng lợi 5.800.000đ. H nhận 30 hồ sơ từ P với số tiền 39.000.000đ, đã giao cho M 30.000.000đ, còn lại H hưởng lợi 9.000.000đ.

Đến ngày 24/3/2017 những người nhờ N làm giấy phép lái xe đến Công an xã KT, huyện UM trình báo nộp toàn bộ hồ sơ và giấy phép lái xe.

Tại Kết luận giám định về giấy phép lái xe số 97-GĐ-2017 ngày 04/5/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Cà Mau kết luận:

Giấy phép lái xe: Số/No. 910365709109, tên Nguyễn Công B, cấp ngày 24/11/2016; Số/No. 910196015001, tên Trần Văn M, cấp ngày 09/3/2016; Số/No. 910093704931, tên Nguyễn Hoài N, cấp ngày 24/8/2016; Số/No. 910376780974, tên Phan Văn X, cấp ngày 24/11/2016; Số/No. 910376780977, tên Nguyễn Trọng K, cấp ngày 24/11/2016; Số/No. 910096936824, tên Nguyễn Văn M, cấp ngày 09/3/2016 là giấy phép lái xe giả.

Tại Kết luận giám định về giấy phép lái xe số 177-GĐ-2017 ngày 04/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Cà Mau kết luận:

Giấy phép lái xe: Số/No. 910376780968, tên Nguyễn Văn Đ, cấp ngày 17/5/2017; Số/No. 910096936835, tên Nguyễn Văn N, cấp ngày 21/02/2017; Số/No. 910376081208, tên Lê Văn H, cấp ngày 21/02/2017; Số/No. 910325731710, tên Lê Văn N, cấp ngày 13/7/2016; Số/No. 910320570123, tên Trần Chí L, cấp ngày 13/7/2016; Số/No. 910325731731, tên Lê Thị Bích T, cấp ngày 13/7/2016; Số/No. 910316140217, tên Nguyễn Văn T, cấp ngày 13/7/2016; Số/No. 910305031218, tên Nguyễn Hoàng B, cấp ngày 13/7/2016; Số/No. 910376780975, tên Nguyễn Văn L, cấp ngày 24/11/2016; Số/No. 910365904251, tên Lê Văn H, cấp ngày 24/11/2016; Số/No. 910376470965, tên Phạm Văn C, cấp ngày 24/11/2016; Số/No. 9103161402260, tên Nguyễn Hữu N, cấp ngày 24/8/2016; Số/No. 910093704933, tên Đặng Quốc B, cấp ngày 24/8/2016; Số/No. 910320570143, tên Nguyễn Thanh P, cấp ngày 13/7/2016; Số/No. 910096936829, tên Lê Văn D, cấp ngày 09/3/2016 là giấy phép lái xe giả.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2018/HS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U Minh quyết định:

Phạm Văn H, Trần Văn P và Nguyễn Văn N phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự 1999 đối với cả 03 bị cáo; áp dụng thêm khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo N;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn P 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Phạt bổ sung Phạm Văn H 10.000.000đ (Mười triệu đồng); Trần Văn P 7.000.000đ (Bảy triệu đồng); Nguyễn Văn N 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/3/2018, các bị cáo Phạm Văn H, Trần Văn P và Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo yêu cầu xin hưởng án treo và giảm nhẹ hình phạt. Lý do, các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, bị cáo phạm tội lần đầu, có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng, bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải nên khắc phục hậu quả mà các bị cáo gây ra.

Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin hưởng án treo và giảm nhẹ hình phạt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã xử đối với các bị cáo Phạm Văn H, Trần Văn P và Nguyễn Văn N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Văn H, Trần Văn P và Nguyễn Văn N thừa nhận: Từ tháng 11/2016 đến tháng 3/2017, các bị cáo cấu kết với các đối tượng khác làm giả 30 giấy phép lái xe cho 30 đối tượng. Trong đó, bị cáo N trực tiếp nhận 21 hồ sơ. Bị cáo P trực tiếp nhận 09 hồ sơ và nhận từ bị cáo N 21 hồ sơ, tổng cộng 30 hồ sơ để giao cho H chuyển cho M thực hiện. Việc làm giả hồ sơ bị cáo H thu lợi được 9.000.000 đồng, bị cáo P thu lợi được 5.800.000 đồng, bị cáo N thu lợi được 4.400.000 đồng. Với nội dung trên, bản án sơ thẩm số: 08/2018/HS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U Minh xử phạt các bị cáo Phạm Văn H, Trần Văn P và Nguyễn Văn N phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm b khoản 2 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ pháp luật, đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Bởi lẽ, hành vi của các bị cáo đã xâm hại đến trật tự quản lý hành chính, ảnh hưởng xấu đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước. Các bị cáo có đủ nhận thức biết rõ hành vi, việc làm của các bị cáo là vi phạm pháp luật, phạm tội hình sự, nhưng vì động cơ háms lợi đã bất chấp pháp luật, cố ý cấu kết nhau cùng thực hiện tội phạm. Chính vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự và hình phạt theo pháp luật quy định.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo của các bị cáo Phạm Văn H, Trần Văn P, Nguyễn Văn N cùng các lý do như phạm tội lần đầu, ăn năn hối cải, bản thân là lao động chính, gia đình có hoàn cảnh khó khăn ..., thấy rằng: Bản án sơ thẩm đã đánh giá đầy đủ tính chất vụ án, vai trò, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, N thân và các tình tiết giảm nhẹ của từng bị cáo để xử phạt bị cáo Phạm Văn H 01 năm 03 tháng tù, Trần Văn P 01 năm tù, Nguyễn Văn N 09 tháng tù là mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo điều luật quy định. Với mức án như vậy là có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ đã nêu để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo tương xứng với vai trò, mức độ phạm tội của từng bị cáo. Lý do, các bị cáo kháng cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nào khác so với ở cấp sơ thẩm, do đó không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo cần giữ nguyên bản án sơ thẩm để các bị cáo có thời gian cải tạo, vừa đảm bảo tính nghiêm trị của pháp luật đối với người phạm tội, vừa răn đe phòng ngừa giáo dục chung cho toàn xã hội.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo H, P và N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

[4] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn H, Trần Văn P và Nguyễn Văn N.

Giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm số: 08/2018/HS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt: Bị cáo Phạm Văn H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; điểm b, p khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt: Bị cáo Trần Văn P 01 (một) năm tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999; xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 09 (chín) tháng tù về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo Phạm Văn H, Trần Văn P và Nguyễn Văn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Công an huyện U Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh;
- Tòa án nhân dân huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Trọng Nhân